

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HS-ST

Ngày: 12-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Trị.

Ông Trần Minh Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1- Bùi Văn Ph, sinh năm 1968 tại huyện T, tỉnh B; Nơi cư trú: thôn T xã B, huyện T, tỉnh B; Nghề nghiệp: Nhân viên bảo vệ rừng; Trình độ văn hoá: 9/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 18-QĐ/UBKTHU ngày 27/9/2021 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy T, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn L sinh năm 1942 và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1946; Vợ: Bùi Thị H, sinh năm 1974; Con: 02 người, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2- Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1967 tại huyện T, tỉnh B; Nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh B; Nghề nghiệp: Nhân viên bảo vệ rừng; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành L (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1930; Vợ: Lê Thị X, sinh năm 1970; Con: 03 người, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Lý Phùng L, sinh năm 1967 (có đơn vắng mặt);

Trú tại: Số nhà 12 đường Ngô Thì Nh, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh B.

+ Trương Xuân V, sinh năm 1978 (có đơn vắng mặt);

Trú tại: thôn A, xã V, huyện V, tỉnh B.

- *Người làm chứng:*

+ Nguyễn Bá M, sinh năm 1963 (có mặt);

Trú tại: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B.

+ Chu Hồng S, sinh năm 1969 (có mặt);

Trú tại: thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh B.

+ Phan Thị Thanh Q, sinh năm 1981 (có mặt);

+ Trần Quốc H, sinh năm 1970 (vắng mặt);

+ Nguyễn Cao Th, sinh năm 1980 (có mặt);

Đồng trú tại: khối P, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/02/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ra Quyết định số 02/QĐ thành lập Ban quản lý rừng phòng hộ T là đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện T với chức năng quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng... trên địa bàn huyện T. Ban quản lý rừng phòng hộ T hoạt động trên cơ sở quy định của Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004, những quy định pháp luật có liên quan và Quy chế làm việc ngày 21/04/2009 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T

phê duyệt. Năm 2015 và 2016 tổng biên chế được giao của Ban quản lý rừng phòng hộ T trong thực tế là 11 người, hợp đồng lao động 06 người (thiếu 9 người so với quy định tại Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ).

Năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh B giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ T làm chủ diện tích rừng tự nhiên chức năng phòng hộ trên địa bàn huyện T là 18.375,10 ha, trong đó: Địa bàn xã B có diện tích 5.507,38ha, thuộc các tiểu khu 203, 220, 228, 241, 242, 251, 252a.

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ T ra Quyết định phân công nhiệm vụ cán bộ viên chức số 56/QĐ ngày 01/09/2015 quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ban quản lý rừng phòng hộ T như sau:

- Giám đốc có chức năng nhiệm vụ quy định tại Điều 6 Quy chế làm việc ngày 21/04/2009 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T phê duyệt: *“Giám đốc: Phụ trách chung, trực tiếp phụ trách công tác tổ chức tài chính, chỉ đạo điều hành trực tiếp đến các trạm quản lý, bảo vệ rừng, các bộ phận nghiệp vụ chuyên môn. Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và UBND huyện về điều hành mọi hoạt động đơn vị: Quản lý bảo vệ rừng,...”*

- Các bộ phận chuyên môn gồm có 02 người làm công tác kế toán; 02 người phụ trách kỹ thuật; 01 người phụ trách tài chính hậu cần và lái xe; 01 người làm công tác văn thư, thủ quỹ; 01 người làm công tác kế hoạch.

- Có 04 trạm bảo vệ rừng gồm: Trạm bảo vệ rừng xã V - huyện T, Trạm bảo vệ rừng xã T, Trạm bảo vệ rừng xã T - B và Trạm bảo vệ rừng xã B. Trong đó, Trạm bảo vệ rừng xã B có 02 người là Bùi Văn Ph (sinh năm 1968, ở thôn T, xã B, huyện T) làm Phụ trách địa bàn và Nguyễn Văn Nh (sinh năm 1967, ở thôn T, xã B, huyện T) làm Cán bộ địa bàn. Trạm bảo vệ rừng xã B được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ đối với diện tích 5.507,38ha rừng phòng hộ xã B, với nhiệm vụ cụ thể là: *Thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, tuần tra, kiểm soát lâm sản, nắm chắc diện tích đất rừng và rừng hiện có trên địa bàn mình quản lý. Phối hợp các hộ nhận khoán, phát hiện và lập biên bản xử lý kịp thời những vụ việc vi phạm theo thẩm quyền và báo cáo ngay cho Lãnh đạo Ban quản lý rừng phòng hộ T biết để xử lý...*

Căn cứ Quyết định số: 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng, để thực hiện công tác bảo vệ rừng phòng hộ xã B, năm 2011, Ban quản lý rừng phòng hộ T đã ký kết hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng với các hộ dân là người đồng bào dân tộc thiểu số ở làng M6, xã B giai đoạn 2011 - 2015. Tháng 12/2015, Ban quản lý rừng phòng hộ T cùng các hộ nhận khoán đã nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng giao khoán, xác định các hộ nhận khoán bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ được giao, không bị thiệt hại. Sau khi hết hạn hợp đồng vào ngày 31/12/2015, đầu năm 2016, Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn lập hồ sơ thiết kế, dự toán hợp đồng khoán bảo vệ rừng giai đoạn tiếp theo, đề nghị Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Định phê duyệt. Tuy nhiên, do các nguyên nhân khách quan nên Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Định chậm phê duyệt (Quyết định phê duyệt ngày 20/12/2016). Để phòng ngừa tình trạng chặt phá rừng, khoảng tháng 02/2016, Ban quản lý rừng phòng hộ T tổ chức họp các hộ dân đã nhận khoán giai đoạn 2011 - 2015 tại làng M6, xã B để tuyên truyền họ tiếp tục bảo vệ rừng theo diện tích hợp đồng giao khoán giai đoạn 2011 - 2015. Giai đoạn này, tại các cuộc họp của BQLRPH Tây Sơn, ông Lý Phùng L có 02 lần quán triệt cán bộ địa bàn xã B thường xuyên kiểm tra, bảo vệ diện tích rừng được giao.

Ngày 12/02/2016, Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ T thành lập tổ giám sát khai thác tía thưa rừng trồng phòng hộ ở xã B gồm 12 người, trong đó Bùi Văn Ph làm Tổ phó, Nguyễn Văn Nh là thành viên. Thời gian giám sát khai thác tía thưa rừng trồng phòng hộ ở xã B từ khoảng tháng 02/2016 đến tháng 07/2016, nhưng nhiệm vụ chính của Bùi Văn Ph và Nguyễn Văn Nh vẫn là quản lý bảo vệ diện tích rừng được giao. Tuy nhiên từ khi tham gia tổ giám sát khai thác tía thưa rừng tháng 2/2016 đến tháng 5/2016, cả Ph và Nh đã chủ quan, thiếu tinh thần trách nhiệm trong tuần tra, kiểm soát bảo vệ rừng, đã không tổ chức, phân công và không phối hợp với cán bộ Kiểm lâm địa bàn xã B thực hiện việc tuần tra, kiểm tra quản lý bảo vệ rừng dẫn đến tình trạng người đồng bào lợi dụng phá rừng tự nhiên chức năng phòng hộ thuộc các tiểu khu 228 và 241 thuộc xã B do Ban quản lý rừng phòng hộ T làm chủ rừng bị phá tổng diện tích 196.848 m², trong đó, xác định 32 đối tượng người đồng bào dân tộc thiểu số ở làng M6, xã B, huyện T, tỉnh B phá rừng làm nương rẫy với diện tích

156.925m², định giá trị thiệt hại là 162.957.300 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm đồng), còn lại diện tích 39.923m² chưa xác định được đối tượng phá rừng, không có cơ sở định giá do không xác định được trữ lượng gỗ rừng bị thiệt hại. Kết quả, có 12 đối tượng phá rừng đã bị xử phạt vi phạm hành chính và 20 đối tượng bị xử lý hình sự (các Bản án đã có hiệu lực pháp luật).

Tại Bản cáo trạng số 46/CT – VKSTS ngày 25/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn đã truy tố các bị cáo Bùi Văn Ph, Nguyễn Văn Nh về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo điểm d Khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Văn Ph, Nguyễn Văn Nh phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

* Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d Khoản 1 Điều 360; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Bùi Văn Ph từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ; Nguyễn Văn Nh từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ và khấu trừ thu nhập của các bị cáo theo quy định; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội cũng như đề nghị giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tây Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và Điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện:

Các bị cáo Bùi Văn Ph và Nguyễn Văn Nh là cán bộ thuộc biên chế của Ban quản lý rừng phòng hộ T được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ diện tích rừng tự nhiên chức năng phòng hộ đầu nguồn thuộc tiểu khu 228 và 241 tại xã B, huyện T do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T làm chủ rừng. Mặc dù các hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng với các hộ dân kết thúc vào tháng 12 năm 2015, nhưng trong thời gian từ tháng 2 năm 2016 đến tháng 5 năm 2016, các bị cáo Ph và Nh đã không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao trong tuần tra, kiểm soát bảo vệ rừng; bị cáo Ph là người được phân công phụ trách địa bàn đã không tổ chức, phân công thực hiện việc tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng; bị cáo Nh là cán bộ địa bàn không đề xuất, thực hiện việc tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng và không phối hợp với cán bộ Kiểm lâm địa bàn xã B thực hiện việc tuần tra, kiểm tra quản lý bảo vệ rừng trong một thời gian dài dẫn đến việc người đồng bào dân tộc thiểu số ở làng M6, xã B, huyện T lợi dụng đã thực hiện hành vi phá rừng với tổng diện tích $196.848m^2$, trong đó $156.925m^2$ xác định được tổng giá trị thiệt hại là 162.957.300 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm đồng), còn lại diện tích $39.923m^2$ không xác định được giá trị thiệt hại do nguyên nhân khách quan. Các bị cáo chủ quan cho rằng lâu nay không có việc phá rừng trên địa bàn và sẽ không xảy ra hậu quả gì nên phạm tội với lỗi vô ý. Do vậy, hành vi của các bị cáo Bùi Văn Ph, Nguyễn Văn Nh đã phạm vào tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 360 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn truy tố là có căn cứ.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo Bùi Văn Ph, Nguyễn Văn Nh là nguy hiểm cho xã hội, không những đã làm giảm hiệu quả hoạt động quản lý, bảo vệ rừng mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nhất là vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Các bị cáo là người có nhiệm vụ, quyền hạn và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng đã thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao dẫn đến việc người đồng bào dân tộc thiểu số ở làng M6, xã B, huyện T lợi dụng thực hiện hành vi phá rừng, gây thiệt hại có giá trị là 162.957.300

đồng. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó:

Bị cáo Bùi Văn Ph là người được phân công phụ trách địa bàn nhưng đã chủ quan không tổ chức, phân công cho việc tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng; bị cáo Nguyễn Văn Nh là cán bộ địa bàn không đề xuất, thực hiện việc tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng và không phối hợp với cán bộ Kiểm lâm địa bàn xã B thực hiện việc tuần tra, kiểm tra quản lý bảo vệ rừng trong một thời gian dài. Bị cáo Ph là người chịu trách nhiệm chính nên hình phạt của bị cáo Phúc cao hơn bị cáo Nh.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu với lỗi vô ý; các bị cáo có nhân thân tốt, có thời gian dài công tác, đóng góp nhiều thành tích trong lĩnh vực lâm nghiệp, được cơ quan thẩm quyền tặng nhiều giấy khen; ngoài ra, các bị cáo thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện địa bàn có diện tích lớn, thiếu biên chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Các bị cáo có thu nhập hàng tháng là 5.600.000 đồng (theo bảng chi trả tiền lương của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T) nên khấu trừ thu nhập 10% hàng tháng của các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Khoản 4 Điều 360 của Bộ luật hình sự, cấm các bị cáo Bùi Văn Ph, Nguyễn Văn Nh đảm nhiệm chức vụ.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Giá trị thiệt hại tài sản về rừng đã được giải quyết trong các vụ án “Hủy hoại rừng” mà Bản án đã có hiệu lực pháp luật nên miễn xét.

[8] Đối với ông Lý Phùng L - Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T trong thời gian năm 2015 và 2016 đã không xây dựng chương trình, kế hoạch hàng tháng, quý, năm và không có lịch công tác tuần theo quy chế làm việc; không yêu cầu cán bộ trạm bảo vệ rừng xây dựng, báo cáo lịch trình, tần suất, số lần, kết quả tuần tra, kiểm soát bảo vệ rừng là hành vi thiếu trách nhiệm nhưng không phải là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hậu quả phá rừng của các đối tượng nên không cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự.

[9] Đối với ông Trương Xuân V là Kiểm lâm địa bàn xã B có trách nhiệm tuần tra, kiểm tra và kịp thời phát hiện, ngăn chặn việc phá rừng phòng hộ trên địa bàn quản lý. Tuy nhiên, diện tích rừng phòng hộ bị phá do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T làm chủ rừng, ông V chỉ hỗ trợ, phối hợp trong công tác kiểm tra, bảo vệ rừng; ông V không cương quyết đề nghị Cán bộ Trạm quản lý bảo vệ rừng phối hợp tuần tra, kiểm soát và chậm phát hiện các vụ phá rừng là vi phạm hành chính, hành vi của ông V không cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Bùi Văn Ph, Nguyễn Văn Nh, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn Ph, Nguyễn Văn Nh phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

2. Căn cứ điểm d Khoản 1, Khoản 4 Điều 360; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự:

2.1. Xử phạt bị cáo Bùi Văn Ph 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh B nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành hình phạt.

Giao bị cáo Bùi Văn Ph cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Buộc bị cáo Bùi Văn Ph phải khấu trừ thu nhập hàng tháng 10% của 5.600.000đ = 560.000đ (*Năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt.

Cấm bị cáo Bùi Văn Ph đảm nhiệm chức vụ 03 (ba) năm, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Nh 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh B nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành hình phạt.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Nh cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Nh phải khấu trừ thu nhập hàng tháng 10% của 5.600.000đ = 560.000đ (*Năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt.

Cấm bị cáo Nguyễn Văn Nh đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Bùi Văn Ph, Nguyễn Văn Nh, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tây Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- Bộ phận HSNVCS Công an huyện Tây Sơn;
- Bị cáo; bị hại;
- Đường sự vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Phương Thảo